

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ
Bản án số: 97/ 2018/HSST
Ngày: 25/ 5/ 2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ-TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Xuân Tính
2. Bà Nguyễn Thị Loan

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà: Nguyễn Thị Hải Hà
Thư ký TAND TP Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND TP. Thanh Hoá tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Bắc - Kiểm sát viên

Ngày 25/ 5/ 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 194/ 2018/HSST ngày 24/ 4/ 2018 đối với bị cáo:

Lê Anh D - Sinh 1985; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn T, thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: LĐTD; Văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Thanh Đ và bà Đỗ Thị H; có vợ là Lê Thị D2 và có 01 con sinh năm 2013; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 25/08/2011 Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xử phạt 03 năm tù, cho hưởng án treo về tội “ Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách 51 tháng 20 ngày; Ngày 26/6/2013 Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 tháng tù về tội “ Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt 03 năm tù về tội trộm cắp năm 2011(ra trại tháng 01/2016);Tạm giữ từ ngày 23/8/2017 chuyển tạm giam từ ngày 29/8/2017 đến nay tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Ông Hoàng Khắc T - 1940 – Có mặt tại phiên tòa
Địa chỉ: đường T, P. Đ, thành phố T.

2. Chị Lê Thị D2 – sinh 1963 – Có mặt tại phiên tòa
Địa chỉ: phố H, P. Đ, thành phố T.

3. Chị Lê Thị V – sinh 1979 – Vắng mặt tại phiên tòa
Địa chỉ: phố T, P. Q, thành phố T.

4. Anh Dương Mạnh H – sinh 1976 – Vắng mặt tại phiên tòa

Địa chỉ: đường P, P. Đ, thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 7 đến tháng 8 năm 2017 Lê Anh D đã 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Thanh Hóa cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Sáng ngày 14/7/2017, Lê Anh D cạy phá cửa phía sau tầng 1, đột nhập vào nhà ông Hoàng Khắc T tại Đường T, P. Đ, thành phố T trộm cắp tài sản gồm: 46.500.000đ (bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng), 02 (hai) nhẫn tròn bằng vàng 24K loại 02 (hai) chỉ, 02 (hai) nhẫn tròn bằng vàng loại 24K loại 01 chỉ và 01 (một) nhẫn tròn 24K loại 01 chỉ có gắn viên đá màu đỏ để trong tủ quần áo tầng 1.

Quá trình khám nghiệm hiện trường, Cơ quan CSĐT thu giữ:

- 01 (một) con dao kim loại màu trắng dài 37cm, phần cán gỗ màu vàng, phần lưỡi dao có dòng chữ “KING FIST”.

- 06 (sáu) mảnh thủy tinh (dạng kính) có dấu vết đường vân tay của Lê Anh D.

Ngày 19/10/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự định giá số tài sản D đã trộm cắp của Ông T trị giá 70.580.000đ (bảy mươi triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

Vụ thứ hai: Sáng ngày 19/7/2017, Lê Anh D cạy phá song cửa sắt tầng 3, đột nhập vào nhà chị Lê Thị D2 tại phố H, P. Đ, thành phố T trộm cắp tài sản gồm số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) trong tủ quần áo và 6,6 cây vàng 24K trong ngăn tủ bàn máy tính đặt ở phòng ngủ tầng 2.

Quá trình khám nghiệm hiện trường, Cơ quan CSĐT thu giữ:

- 01 (một) điện thoại Iphone 5 màu đen đã hỏng.

- 01 (một) túi nilong màu xanh, có in chữ “Bitis nâng niu bàn chân Việt”; 01 (một) hộp nhựa màu đỏ dạng hộp đựng vàng, có kí hiệu “CONG TY THUONG MAI VANG BAC KIM CHUNG” tại ngăn kéo bàn máy tính trong phòng ngủ tầng 2 có dấu vân tay của Lê Anh D.

Ngày 19/10/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự định giá số tài sản D đã trộm cắp của chị D2 trị giá 230.680.000đ (hai trăm ba mươi triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Vụ thứ ba: Khoảng 8h ngày 22/8/2017, Lê Anh D trèo lên ban công tầng 2 phía trước nhà chị Lê Thị V tại phố T, P. Q, thành phố T sử dụng 02 (hai) tuốc nơ vít, 01 (một) thanh gỗ hình hộp dài 103 cm, dày 5 x 4 cm cạy phá cửa ra vào, cửa sổ phòng ngủ tầng 2 sát ban công đột nhập vào trong nhà trộm cắp

tài sản gồm số tiền 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng) gồm tiền trong túi áo để trong tủ và tiền trong con lợn đất tại bàn trang điểm; 02 (hai) nhẫn vàng loại vàng ý, trong lượng mỗi nhẫn 01 chỉ; 01 (một) mặt dây chuyền làm từ vàng 24K trọng lượng 02 (hai) chỉ có gắn mặt đá hình chữ X để trong tủ quần áo. Sau khi trộm cắp, D mang toàn bộ số vàng đến cửa hàng “Đ” ở đường L, P.L, TP T bán được số tiền 5.960.000đ (Năm triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Quá trình khám nghiệm hiện trường, Cơ quan CSĐT thu giữ:

- 01 (một) thanh gỗ hình hộp dài 103cm, dày 3x4cm, bề mặt có nhiều vết hằn lún.

Ngày 04/10/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự định giá số tài sản D đã trộm cắp của chị V trị giá 36.460.000đ (ba mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng). Chị V đề nghị bồi thường toàn bộ số tài sản bị mất trộm.

Đối với toàn bộ số vàng trộm cắp nêu trên, chị Nguyễn Thị H SN 1988 ở đường L, P.L, TP T là chủ tiệm vàng “Đ” không nhớ được có mua của Lê Anh D hay không. Tại cửa hàng không có số vàng có đặc điểm nói trên. Vì vậy, Cơ quan CSĐT không thu giữ được vật chứng.

Vụ thứ tư: Khoảng 8h30p ngày 23/8/2017, Lê Anh D trèo lên ban công tầng 2 phía sau nhà anh Dương Mạnh H SN 1976 tại đường P, P. Đ, TP T, tỉnh Thanh Hóa sử dụng 02 (hai) tuốc nơ vít có cán nhựa bằng nhựa cứng màu vàng, kí hiệu “TuanAnh” dài 20cm cạy phá cửa ra vào ban công đột nhập vào trong nhà trộm cắp tài sản. Tại phòng ngủ tầng 1, D lấy số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng), 01 (một) dây chuyền vàng 10K trọng lượng 3,69 chỉ có gắn răng nanh động vật. Ngay sau khi lấy được tài sản, D bị bắt quả tang.

Quá trình khám nghiệm hiện trường, Cơ quan CSĐT thu giữ:

- 02 (hai) tuốc nơ vít có cán nhựa cứng màu vàng kí hiệu “TuanAnh” dài 20cm, đầu bằng kim loại

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng, IMEI 860885036551359 đã qua sử dụng.

- Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 2.000.000đ (hai triệu đồng); 01 (một) sợi dây chuyền kim loại bằng vàng 10K trọng lượng 3,69 chỉ có gắn răng động vật.

Ngày 04/10/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự định giá số tài sản D đã trộm cắp của anh H trị giá 7.535.000đ (bảy triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

Ngày 23/8/2017, Cơ quan CSĐT tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của D đã thu giữ:

- 01 (một) tu vít cán nhựa màu vàng, dài 25 cm, đầu dẹt chia 02 cạnh;

- 01 (một) tua vít cán nhựa màu xanh, dài 30 cm, đầu chia 04 cạnh;
- 01 (một) tua vít cán nhựa màu vàng đen, dài 20 cm, đầu dẹt chia 02 cạnh;
- 01 (một) kìm cán nhựa màu hồng, dài 17 cm.

Quá trình điều tra, xác định toàn bộ số đồ vật trên không liên quan đến vụ án nên CQĐT đã trả lại cho Lê Thị D3 SN 1986 là vợ của Lê Anh D.

Đối với 01 (một) con dao kim loại, Cơ quan cảnh sát điều tra CATP Thanh Hóa đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Hoàng Khắc T. Ông T đã nhận lại tài sản và đề nghị bồi thường toàn bộ số tài sản bị mất trộm.

Đối với 01 (một) điện thoại Iphone 5, Cơ quan cảnh sát điều tra CATP Thanh Hóa đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Lê Thị D2. Chị D2 đã nhận lại tài sản và đề nghị bồi thường toàn bộ số tài sản bị mất trộm.

Chị Lê Thị V yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ giá trị tài sản bị chiếm đoạt.

Đối với số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng); 01 (một) sợi dây chuyền kim loại bằng vàng 10K trọng lượng 3,69 chỉ có gắn răng động vật, Cơ quan cảnh sát điều tra CATP Thanh Hóa đã tiến hành trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Dương Mạnh H. Anh H đã nhận toàn bộ số tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Anh D chỉ khai nhận thực hiện 02 (hai) vụ trộm cắp ngày 22/8/20017 tại phố T, P.Q, TP T, tỉnh Thanh Hóa và ngày 23/8/2017 tại đường P, P.Đ, TP T, tỉnh Thanh Hóa. D không thừa nhận thực hiện 02 (hai) vụ trộm cắp tài sản ngày 14/7/2017 tại đường T, P.Đ, TP T, tỉnh Thanh Hóa và ngày 19/7/2017 tại Phố H, P.Đ, TP T.

Về vật chứng:

- 02 tua vít cán màu vàng có chữ “ Tuan Anh”, có chiều dài cả cán 20cm
- 01 điện thoại OPPO màu trắng, viền ghi, model: 1201; Imel: 860885036551359 (điện thoại đã cũ không kiểm tra chất lượng)
- 06 mảnh kính màu đen có kích thước khác nhau.
- 01 túi nilon màu xanh có in dòng chữ” Bitis nâng niu bàn chân việt”
- 01 hộp nhựa màu đỏ, có kí hiệu “ Công ty Thương mại vàng bạc Kim Chung’
- 01 thanh gỗ có kích thước: Chiều dài 103cm, dày (4 x 5) cm.

Toàn bộ vật chứng hiện đang tạm giữ tại chi cục Thi Hành Án dân sự theo biên bản giao nhận vật chứng số 58/THA ngày 05/01/2018 giữa Công an với Thi Hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Tại bản cáo trạng số 36/ CT – VKS - SH ngày 28/ 12/ 2017 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá đã truy tố bị cáo Lê Anh D về tội “ Trộm cắp tài sản ” theo qui định tại Điểm a Khoản 3 Điều 138 của BLHS 1999.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, ngày 08/02/2018 Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã trả hồ sơ điều tra bổ sung, yêu cầu thu thập thêm các tài liệu chứng cứ để có cơ sở xác định giá trị tài sản thực tế D chiếm đoạt của gia đình ông Hoàng Khắc T ngày 14/7/2017 (vụ thứ nhất) và gia đình chị Lê Thị D2 ngày 19/7/2018 (Vụ thứ 2), vì quá trình điều tra Lê Anh D không thừa nhận, vật chứng không thu được và người bị hại cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ liên quan về số tài sản bị trộm cắp. Nếu chỉ căn cứ duy nhất vào lời khai của người bị hại về số tài sản bị chiếm đoạt để truy tố Lê Anh D về tội “ Trộm cắp tài sản” theo Điểm a Khoản 3 của BLHS là chưa đủ cơ sở.

Quá trình điều tra bổ sung cơ quan điều tra đã không thu thập thêm được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh nguồn gốc số tiền, vàng bị trộm cắp.

Ngày 24/4/2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa đã có công văn số 01/VKS – KSĐT về giữ nguyên các trạng số 36/CT – VKS – SH ngày 28/12/2017 và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa để xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Bị cáo chỉ thừa nhận thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản ngày 22/8/2017(Vụ thứ 3) tại phố T, P.Q, TP T, tỉnh Thanh Hóa và ngày 23/8/2017(vụ thứ 4) tại đường P, P.Đ, TP T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị cáo Lê Anh D không thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp vào ngày 14/7/2017 (vụ thứ nhất) tại đường T, P.Đ, TP T, tỉnh Thanh Hóa và ngày 19/7/2017 (Vụ thứ 2) tại phố T, P.Q, TP T. Bị cáo cho rằng trong thời gian này bị cáo đang đi làm nhà giúp cho ông Lê Ngọc V (chú ruột của bị cáo) ở gần nhà bị cáo. Thời gian đi làm nhà giúp bắt đầu từ tháng 02 năm 2018 đến khi bị cáo bị bắt phạm tội quả tang, nên bị cáo không thể thực hiện hành vi phạm tội ở 02 vụ trên được.

Ông Hoàng Khắc T khai: Số tiền và vàng bị trộm cắp là ông bà tích lũy hàng tháng từ lương hưu và bán hàng thêm từ năm 1990 đến nay. Ông bà không cho ai biết và khi mua vàng cũng không có hóa đơn giấy tờ gì. Nên không thể xuất trình tài liệu chứng cứ về số tài sản bị trộm cắp cho các cơ quan pháp luật được.

Chị Lê Thị D2 khai: Số tiền và Vàng bị trộm cắp là do vợ chồng chị tích lũy từ lương , thưởng của hai vợ chồng từ 2010 đến nay. Anh, chị cũng không cho ai biết và khi mua vàng cũng không có hóa đơn giấy tờ gì. Nên không thể xuất trình tài liệu chứng cứ về số tài sản bị trộm cắp cho các cơ quan pháp luật được.

Đại diện VKSND TP.Thanh Hóa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị HĐXX :

- Căn cứ Điểm a Khoản 3 Điều 138; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 33 của BLHS 1999. Điều 106 của BLTTHS.

- Xử phạt bị cáo mức án từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại.

- Tịch thu tiêu hủy vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc bị cáo không thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ở vụ thứ nhất và vụ thứ 2.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa bị cáo khai: Trong khoảng thời gian từ tháng 02 năm 2017 đến khi bị bắt quả tang về hành vi trộm cắp tài sản ngày 23/8/2017 (vụ thứ 4), bị cáo đang đi làm nhà giúp cho ông Lê Ngọc V (chú ruột của bị cáo) ở gần nhà, nên bị cáo không thể thực hiện được hai hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 14/ 7/ 2017 (Vụ thứ nhất) và ngày 19/ 7/ 2017 (Vụ thứ 2) theo nội dung bản cáo trạng.

Hội đồng xét xử xét thấy: ông Lê Ngọc V là người có quan hệ họ hàng với bị cáo, quá trình điều tra bị cáo không khai và tại phiên tòa hôm nay bị cáo cũng không xuất trình được tài liệu chứng cứ gì. Mặt khác quá trình điều tra cũng đã xác định được có dấu vân tay của bị cáo tại hiện trường của 02 vụ trộm cắp tài sản trên và trong khoảng thời gian bị cáo khai đi làm nhà giúp cho ông Lê Ngọc V bị cáo vẫn thực hiện được 02 vụ trộm cắp tài sản vào các ngày 22/8/2017; 23/8/2017. Vì vậy không cần phải thu thập thêm lời khai của ông Lê Ngọc V cũng có đủ cơ sở để xét xử được vụ án.

[2] *Về hành vi phạm tội*:

Mặc dù tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của gia đình ông Hoàng Khắc T ngày 14/7/2017 (vụ thứ nhất) và của gia đình chị Lê Thị D2 ngày 19/7/2017 (vụ thứ 2). Nhưng quá trình điều tra đã xác định được có dấu vân tay của bị cáo tại hiện trường nhà Ông T và nhà D2, trong khi không có ai ở nhà và bị cáo cũng thừa nhận không có quan hệ gì với ai trong gia đình Ông T và gia đình chị D2. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định bị cáo đã lợi dụng sơ hở lúc không có người ở trong nhà, đột nhập vào trong nhà Ông T và nhà chị D2 với mục đích để trộm cắp tài sản. Song quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay người bị hại khai số tiền, vàng bị trộm cắp là do họ tích lũy từ rất nhiều năm, họ không

cho ai biết và họ cũng không có tài liệu chứng cứ, hóa đơn, giấy tờ gì để chứng minh họ có số tài sản đó và cơ quan tiến hành tố tụng cũng không xác minh làm rõ được nguồn gốc số tiền, số vàng người bị hại bị trộm cắp. Mặt khác vật chứng không thu được, bị cáo không thừa nhận. Nếu chỉ căn cứ duy nhất lời khai của người bị hại là chưa đủ cơ sở kết luận bị cáo đã chiếm đoạt được số tài sản của gia đình chị D2 và gia đình Ông T như nội dung bản cáo trạng. Nhưng vì bị cáo đã có tiền án về tội “ Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích, nên trong vụ thứ nhất và vụ thứ 2 cần căn cứ vào hướng dẫn về phạm tội chưa đạt của Nghị quyết 01/2000/NQ- HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của BLHS 1999.

Đối với hành vi trộm cắp tài sản ở vụ thứ 3: Tuy bị cáo chỉ thừa nhận lợi dụng lúc không có ai ở nhà, bị cáo đã trèo lên ban công tầng 2 phía trước nhà chị Lê Thị V cạy phá cửa đột nhập vào trong nhà trộm cắp được 02 (hai) nhẫn vàng loại vàng ý, trọng lượng mỗi nhẫn 01 chỉ; 01 (một) mặt dây chuyền làm từ vàng 24K trọng lượng 02 (hai) chỉ có gắn mặt đá hình chữ X để trong tủ quần áo và số tiền trong túi áo để trong tủ và tiền trong con lợn đất tại bàn trang điểm và khi về nhà bị cáo đếm được 10.500.000đ chứ không phải 23.000.000đ như chị V khai. Nhưng căn cứ vào lời khai của người bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì có đủ cơ sở khẳng định bị cáo đã trộm cắp của gia đình chị V 23.000.000đ tiền mặt và vàng nhưng nội dung bản cáo trạng. Đối với hành vi trộm cắp ở vụ thứ 4 bị cáo đã thừa nhận trộm cắp của gia đình Anh H tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng), 01 (một) dây chuyền vàng 10K trọng lượng 3,69 chỉ có gắn răng nanh động vật như nội dung bản cáo trạng. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở khẳng định bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ở vụ thứ 3 và vụ thứ 4 với tổng tài sản chiếm đoạt là 44.025.000đ. Nhưng do bị cáo đã Tái phạm chưa được xóa án tích mà còn phạm tội do cố ý là thuộc trường hợp “ Tái phạm nguy hiểm”, do đó bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại Điểm c khoản 2 Điều 138 của BLHS 1999.

Từ những nhận định như trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong vụ án này bị cáo phạm tội ‘ Trộm cắp tài sản” theo Điểm c Khoản 2 Điều 138 của BLHS 1999 với tình tiết định khung “ Tái phạm nguy hiểm”, chứ không phạm tội “ Trộm cắp tài sản” theo Điểm a Khoản 3 Điều 138 của BLHS 1999 mà Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa đã truy tố.

[3] *Đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS:*

Bị cáo tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe, nhưng không chịu lao động. Do cần tiền để chi tiêu cá nhân, bị cáo đã lợi dụng sơ hở lúc chủ sở hữu không có nhà,

cạy cửa đột nhập vào trong nhà chiếm đoạt tài sản của người khác giữa ban ngày. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự táo bạo, liều lĩnh, gây mất trật tự trị an trong xã hội và xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, nên cần xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Căn cứ vào nhân thân và tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là rất cần thiết.

Do bị cáo phạm tội nhiều lần, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm g khoản 1 Điều 48 của BLHS 1999. Tuy nhiên quá trình điều tra, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi trộm cắp tài sản ở vụ thứ 3, vụ thứ 4; Phạm tội chưa đạt ở vụ thứ nhất, vụ thứ 2 và bố bị cáo là Bệnh binh. Nên khi xem xét hình phạt cũng cần áp dụng Điểm P Khoản 1,2 Điều 46, Điều 18 của BLHS 1999 giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Dương Mạnh H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm về phân dân sự, Nên công nhận phân dân sự giữa bị cáo với anh Dương Mạnh H đã được giải quyết xong.

- Chị Lê Thị V yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 36.460.000đ. Xét yêu cầu của chị V là hoàn toàn chính đáng. Do có căn cứ Khoản 1 Điều 42 của BLHS 1999 và Điều 584; 589 của BLDS. Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Lê Thị V.

- Do chị Lê Thị D2 và ông Hoàng Khắc T không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu bồi thường của mình là hợp pháp. Mặt khác quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay cũng không làm rõ được tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của gia đình ông Hoàng Khắc T và gia đình chị Lê Thị D2. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu bồi thường của ông Hoàng Khắc T và chị Lê Thị D2.

[5] Về vật chứng: Toàn bộ vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng số 58/THA ngày 05/01/2018 giữa Công an với Thi Hành án dân sự thành phố Thanh Hóa là vật dùng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội và vật không còn giá trị sử dụng. Nên căn cứ Khoản 1 Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 của BHTTHS tịch thu, nộp ngân sách nhà nước đối với chiếc điện thoại và tịch thu tiêu hủy đối với: 02 tua vít cán màu vàng có chữ “ Tuan Anh”, có chiều dài cả cán 20cm; 06 mảnh kính màu đen có kích thước khác nhau; 01 túi nilon màu xanh có in dòng chữ” Bitis nâng niu bàn chân việt”; 01 hộp nhựa màu đỏ, có kí hiệu “ Công ty Thương mại vàng bạc Kim Chung’ và 01 thanh gỗ có kích thước: Chiều dài 103cm, dày (4 x 5) cm.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và DSST theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Điều 23 của NQ 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điểm c Khoản 2 Điều 138; Điểm p Khoản 1,2 Điều 46; Điều 18; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Khoản 1 Điều 42; Điều 33 của BLHS 1999 và Điều 584; 589 của BLDS. Khoản 1 Điểm a, c Khoản 2 Điều 106, Khoản 2 Điều 136 của BHTTHS và Điều 23 của NQ 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Anh D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Lê Anh D 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/8/2017.

Về trách nhiệm dân sự:

- Công nhận phần dân sự giữa bị cáo với anh Dương Mạnh H đã được giải quyết xong.
- Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Lê Thị V tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 36.460.000đ.
- Không chấp nhận yêu cầu bồi thường của ông Hoàng Khắc Tập và chị Lê Thị D2

Về vật chứng:

-Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại OPPO màu trắng, viền ghi, model: 1201; Imel: 860885036551359 (điện thoại đã cũ không kiểm tra chất lượng).

-Tịch thu tiêu hủy: 02 tua vít cán màu vàng có chữ “ Tuan Anh”, có chiều dài cán 20cm; 06 mảnh kính màu đen có kích thước khác nhau; 01 túi nilon màu xanh có in dòng chữ” Bitis nâng niu bàn chân việt”; 01 hộp nhựa màu đỏ, có kí hiệu “ Công ty Thương mại vàng bạc Kim Chung’ và 01 thanh gỗ có kích thước: Chiều dài 103cm, dày (4 x 5) cm.

Toàn bộ vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng số 58/THA ngày 05/01/2018 giữa Công an với Thi Hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST và 1.823.000đ án phí DSST.

Bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 7, 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo; Ông Hoàng Khắc T và chị Lê Thị D2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Lê Thị V và anh Dương Mạnh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Công an TP Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Lê Thị Hương